

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 08-5-2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào.

2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 4 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị G – sinh năm 1953, có mặt.

Nơi cư trú: ấp Ch, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Ngô Minh Th – sinh năm 1972, có đơn xin vắng mặt.

Bà Trần Thị Kim S – sinh năm 1971, có mặt.

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2019 của nguyên đơn bà Cao Thị G và tại phiên tòa bà G trình bày: Từ năm 2010 đến năm 2018 tôi có cho bà Trần Thị Kim S và chồng là Ngô Minh Th mượn tiền nhiều lần và tiền bạc góp hàng ngày, đến ngày 30/6/2017 có ký biên nhận số tiền 609.685.000 đồng, sau đó bà S mượn thêm 14.000.000 đồng, tổng cộng là 623.685.000 đ (Sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tất cả số tiền nêu trên tôi đã dành dụm nhiều năm, từ đồng lương hưu trí và chăn nuôi, Trần Thị Kim S hứa sẽ bán đất trả nợ cho tôi, vì thân thiết tin tưởng con cháu mà tôi tiếp tục cho mượn thêm tiền từ năm này qua năm khác và chờ đợi nhiều năm. Đến nay vợ chồng S, Th không trả nợ mà còn nói ngang ngược thách thức nên tôi khởi kiện. Quá trình làm việc và tại phiên tòa tôi đồng ý bớt cho S, Th số

tiền 73.685.000 đồng chỉ yêu cầu vợ chồng S, Th trả cho tôi số tiền 550.000.000 đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà S và ông Th phải trả cho tôi hết số tiền là 550.000.000 đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Kim S trình bày: Từ năm 2010 cho đến năm 2017 tôi có mượn tiền và bạc góp của bà G nhiều lần và thiếu lại bà G một số tiền. Đến ngày 30/6/2017 bà G có buộc tôi ký biên nhận thiếu nợ số tiền 609.685.000 đ (Sáu trăm lẻ chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) nhưng trong đó có tính lãi. Trước đây tôi có yêu cầu giám định vì chồng tôi không có biết việc ký giấy nợ nhưng nay tôi thừa nhận tôi có viết giấy nợ ngày 30/6/2017 cho bà G. Tôi thống nhất còn nợ bà G số tiền 550.000.000 đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Nay bà G khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền nợ 550.000.000 đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Vợ chồng tôi thừa nhận còn thiếu bà G số tiền trên. Vợ chồng tôi hiện nay rất khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Ngô Minh Th tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: Vợ tôi là Trần Thị Kim S có giao dịch mượn tiền và hỏi bạc góp của bà G nhiều năm nhưng hai bên giao dịch số tiền như thế nào tôi hoàn toàn không biết. Đến khi bà G kiện ra tòa thì tôi mới biết được sự việc nên tôi cũng đồng ý cùng với vợ trả tiền cho bà G.

Nay bà G khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền nợ 550.000.000 đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Vợ chồng tôi thừa nhận còn thiếu bà G số tiền trên. Nhưng hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đ (một triệu đồng) tiếp cho vợ tôi cho đến khi hết nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Tuy nhiên về thời hạn xét xử vụ án đã quá hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th phải trả cho bà Cao Thị G số tiền nợ 550.000.000 đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của bà Cao Thị G đối với bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th đối với số tiền là 73.685.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Tranh chấp giữa bà Cao Thị G với vợ chồng bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Ngô Minh Th là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Th.

[2] **Về nội dung:** Yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị G là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận về vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của bà Cao Thị G yêu cầu bà S, ông Th phải trả cho ông bà số tiền nợ vay 550.000.000 đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ. Vì bà S, ông Th đều thừa nhận bà S có vay tiền của bà G nhiều lần qua nhiều năm từ năm 2010 đến năm 2017, có trả được một phần nhưng không trả hết hiện còn thiếu lại số tiền 550.000.000 đồng như vậy đây là sự thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Giao dịch giữa bà G và vợ chồng bà S, ông Th là vay tài sản nên khi bà G yêu cầu bà S, ông Th trả nợ thì ông bà phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự.

Đối với ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng là không phù hợp. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu của bà S, ông Th.

[4] Tại đơn khởi kiện bà Cao Thị G yêu cầu số tiền 623.685.000 đ (Sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà khẳng định rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 73.685.000 đồng, chỉ yêu cầu bà S, ông Th trả cho bà 550.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị G.

[5] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Cao Thị G được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà G đã nộp là 14.473.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004094 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th phải nộp án phí là: 400.000.000 đồng án phí 20.000.000 đồng + (150.000.000 đồng x 4%) = 26.000.000 đ (hai mươi sáu triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 11, 463, 466 và 688 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị G.

Buộc bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị G số tiền nợ là 550.000.000 đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Cao Thị G có yêu cầu Thi hành án, nếu bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th không trả số tiền như trên thì hàng tháng ông bà còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị G đối với bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th với số tiền là 73.685.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 26.000.000 đ (hai mươi sáu triệu đồng), buộc bà Trần Thị Kim S và ông Ngô Minh Th phải nộp.

Bà Cao Thị G được nhận lại 14.473.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004094 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 08/5/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nghê